

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2025
V/v: Yêu cầu không công nhận
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Bà Trịnh Thị Oanh.

Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2025, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 295/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2025 về việc “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1963. Nơi thường trú: Thôn 4, xã C, huyện Etĩnh Đắk Lắk (nay là thôn 4, xã E, tỉnh Đắk Lắk), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị A, sinh năm 1978. Nơi thường trú: Thôn 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn 2, xã E, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Tôi và cô Võ Thị A chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chúng tôi chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2010 trở đi, chúng tôi không còn chung sống với nhau nữa. Do đó, nay tôi làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa tôi và cô Võ Thị A.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có một con chung là cháu Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày 07/7/2004, nay cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị A trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chúng tôi chung sống với nhau đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2010 trở đi chúng tôi không còn chung sống với nhau nữa. Nay ông T làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa tôi và ông T thì tôi đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có một con chung là cháu Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày 07/7/2004, nay cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị A là vợ chồng; Về con chung; tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với bà Võ Thị A là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Anh. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị A.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị A có một người con chung là Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày 07/7/2004, nay con chung của ông T và bà A đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị A.

- Về con chung: Con chung của ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị A là Nguyễn Võ Thùy D, sinh ngày 07/7/2004 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Bị đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy